

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN BIÊN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/DS-ST

Ngày: 25-9-2023

v/v tranh chấp dân sự về  
hợp đồng mua bán tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Tám;

2. Ông Trần Văn Tảo.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** bà Lê Hoàng Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2023/TLST-DS, ngày 29 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* anh Phạm Trọng L (tên gọi khác: S), sinh năm 1979; cư trú tại: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1987; cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tây ninh; là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 19-7-2023), có mặt.

*Bị đơn:* chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Trọng L trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị Giàu c giao dịch mua bán phế liệu với nhau từ khoảng năm 2019, việc mua bán chỉ thỏa thuận miệng không lập hợp đồng hay giấy tờ mua bán, nội dung thỏa thuận miệng như sau:

- Loại hàng hóa mua bán: hàng phế liệu như chai nhựa, bao bì, bàn ghế nhựa hư hỏng....;

- Giá thu mua: trung bình khoảng từ 7.000 đồng – 10.000 đồng/01 ký phế liệu, giá không cố định mà tùy theo giá thị trường từng đợt thu mua;

- Hình thức thanh toán: sau khi anh giao hàng cho chị G thì chị G sẽ cân hàng và thanh toán tiền cho anh bằng hình thức chuyển khoản, có khi sáng giao hàng chiều trả tiền, có khi vài ngày sau đó chị G mới chuyển trả tiền. Tất cả những lần thanh toán tiền đều bằng hình thức chuyển khoản Ngân hàng, không thanh toán tiền mặt;

- Địa điểm giao nhận hàng phế liệu: tại nhà của chị G ở ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

- Địa điểm cân hàng phế liệu: cân nhờ tại trạm cân của Nhà máy X lúa – Lau bóng gạo Lệ N ở ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; sau khi cân trạm cân sẽ xuất Phiếu cân cho anh và chị G mỗi người giữ một phiếu.

Hai bên không thỏa thuận bắt buộc về khối lượng hàng phế liệu phải giao là bao nhiêu và thời gian nào chấm dứt việc mua bán, nếu anh không có hàng thì không giao và cũng không thỏa thuận bắt buộc anh chỉ được giao phế liệu cho riêng chị G.

Do chị G nhiều lần không trả tiền mua hàng phế liệu cho anh, nên anh khoảng tháng 12 năm 2022 anh có đến nhà chị G để yêu cầu chị G trả tiền thì Giàu có tự viết các con số tính tiền nợ với anh và ký tên, tổng cộng số tiền chị G nợ anh là 88.411.000 đồng. Từ khi chị G viết giấy tính tiền nợ, anh và chị G không tiếp tục thực hiện giao dịch mua bán phế liệu, các bên cũng không thỏa thuận cụ thể thời gian trả tiền và lãi suất chậm trả, chị G chỉ hẹn miệng khát nợ nhiều lần, đến ngày 04-3-2023 mới chuyển khoản trả cho anh số tiền 20.000.000 đồng, ngoài ra không trả thêm số tiền nào khác, số tiền còn lại 68.400.000 đồng chị G nói không có tiền nên không trả.

Do đó, anh khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị G trả cho anh số tiền nợ gốc 68.400.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

*Tại biên bản ghi lời khai ngày 09-8-2023 bị đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:*

Chị thừa nhận mua bán hàng hóa phế liệu với anh S (tên trong giấy tờ là Phạm Trọng L) nhiều năm như anh S trình bày, việc mua bán thỏa thuận miệng, có phiếu cân hàng nhưng không ký kết hợp đồng; thanh toán tiền mua bán theo hình thức giao hàng xong mới trả tiền; địa điểm giao hàng là tại nhà chị; địa điểm cân hàng hòa tại Nhà máy X (cân nhờ cân của Nhà máy); không ấn định bắt buộc về thời gian, số lượng, giá hàng hóa từng lần mua bán. Đến năm 2022 do gia đình chị xảy ra sự cố nên chị có tạm ngưng mua bán hàng phế liệu một thời gian, ngày 27-12-2022 chị và anh S có gặp mặt tại nhà chị để thống nhất lại số tiền chị còn nợ anh S, chị không nhớ chính xác số tiền bao nhiêu nhưng chị thừa nhận giấy biên nhận nợ mà anh S cung cấp cho Tòa án là do chính chị viết, tên “Giàu” trong giấy cũng do chị viết, riêng dòng số “4/8/2023” ai viết chị không biết. Sau khi chị ký giấy nợ cho anh S, chị có chuyển khoản qua Ngân hàng trả cho anh S 20.000.000 đồng và nhiều lần trả tiền mặt cho anh S tại nhà chị, các lần trả tiền mặt không có ai chứng kiến nhưng chị có ký nhận vào sổ của anh S, chị không nhớ thời gian và số tiền đã trả tổng cộng là bao nhiêu. Do đó, chị không đồng ý trả số

tiền 68.400.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của anh S.

**Tại phiên tòa sơ thẩm:**

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Duy H trình bày:* anh L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị G trả số tiền còn nợ là 68.400.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:* chị thừa nhận có nợ anh S (L) tiền hàng tiền hàng, tuy nhiên trong thời gian chị ngưng mua bán phế liệu để sửa chữa xưởng thì anh S có đồng ý cho chị nợ tiền, sau đó lại không giao hàng cho chị mà yêu cầu chị phải trả hết tiền. Nay chị đồng ý trả cho anh S số tiền 68.400.000 đồng, không trả tiền lãi và xin trả dần dần số tiền nợ, vì hiện nay chị gặp khó khăn trong việc làm ăn, không có khả năng trả tiền một lần cho anh S.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 119, 421, 430, 431, 433, 440 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Trọng L (tên gọi khác: S) đối với chị Nguyễn Thị G về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc chị Nguyễn Thị Giàu c nghĩa vụ trả cho anh Phạm Trọng L (tên gọi khác: S) số tiền nợ gốc 68.400.000 đồng, ghi nhận anh L không yêu cầu tính tiền lãi.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:*

**[1. Về nội dung tranh chấp]**

[1.1] Về tiền nợ gốc: xét yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Trọng L (tên gọi khác: S) yêu cầu chị Nguyễn Thị G trả số tiền nợ gốc về việc mua bán phế liệu là 68.400.000 đồng, thấy rằng: nguyên đơn cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là một giấy biên nhận có nội dung ở phía mặt sau là “A Sơn 27/12 10.030 + 78.110, cộng nợ cũ tổng cộng 88.411.000, giàu” (bút lục số 49). Quá trình giải quyết vụ án, chị G thừa nhận chị có mua bán hàng hóa phế liệu với anh L (S) nhiều năm theo hình thức thỏa thuận miệng, không lập hợp đồng hay ký kết văn bản về việc mua bán, thanh toán tiền theo hình thức gói đầu; do không ký hợp đồng nên chị không nhớ thời gian, số lượng, giá hàng hóa và số tiền giao dịch từng lần mua bán; đến ngày 27-12-2022 chị

và anh S có gặp nhau tại nhà chị để thống nhất lại số tiền mua hàng phế liệu; chữ viết, chữ số và tên “Giàu” trong giấy biên nhận do anh S cung cấp cho Tòa án là do chị viết, ký nhận. Sau khi ký giấy nợ với anh S, chị có trả cho anh S 20.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng, lời khai của chị G phù hợp với lời trình bày và chứng cứ do anh L cung cấp. Tại phiên tòa. Chị G đồng ý trả cho anh L số tiền gốc 68.400.000 đồng và xin trả dần dần hàng tháng.

Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận lời trình bày của anh L (S) về số tiền mua bán phế liệu chị G còn nợ anh L là 68.400.000 đồng. Căn cứ quy định tại các Điều 119, 430, 431, 434 và 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Trọng L, buộc chị Nguyễn Thị Giàu c nghĩa vụ trả cho anh L số tiền nợ gốc 68.400.000 đồng.

[1.2] Về tiền lãi chậm trả: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh L và người đại diện theo ủy quyền của anh L không yêu cầu chị G trả tiền lãi của khoản nợ nêu trên, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[1.3] Đối với yêu cầu xin trả dần số tiền 68.400.000 đồng của chị G không được nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: do yêu cầu khởi kiện của anh L được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả cho anh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp; chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là  $68.400.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.420.000 \text{ đồng}$ .

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 119, 430, 431, 434 và 440 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Trọng L (tên gọi khác: S) đối với chị Nguyễn Thị G về tranh chấp dân sự về “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc chị Nguyễn Thị Giàu c nghĩa vụ trả cho anh Phạm Trọng L (tên gọi khác: S) số tiền nợ gốc 68.400.000 (sáu mươi tám triệu bốn trăm nghìn) đồng. Ghi nhận anh L không yêu cầu chị G trả tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.420.000 (ba triệu bốn trăm hai mươi nghìn) đồng.

Anh Phạm Trọng L (tên gọi khác: S) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.710.000 (một triệu bảy trăm mười nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004496 ngày 29-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

**3. Về quyền kháng cáo:** nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành** theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Thúy**

